



## Yếu tố liên quan đến kiến thức về biến chứng truyền tĩnh mạch ngoại vi của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y Hà Nội năm 2023

Trương Quang Trung<sup>1, 2</sup>, Nguyễn Duy Thuận<sup>1</sup>,  
Nguyễn Hữu Dư<sup>2</sup>, Lê Thị Thảo Nguyễn<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Hà Nội; <sup>2</sup>Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

<sup>3</sup>Phân Hiệu Trường Đại học Y Hà Nội

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả kiến thức của sinh viên điều dưỡng về một số biến chứng liên quan đến đường truyền tĩnh mạch ngoại vi và phân tích một số yếu tố liên quan. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 374 sinh viên Điều dưỡng năm 2 đến năm 4, Trường Đại học Y Hà Nội. **Kết quả:** Kiến thức của các sinh viên Điều dưỡng về biến chứng liên quan đến đường truyền tĩnh mạch ở mức chưa cao (47,4%). Lớp, khối, tham gia thực tập tại bệnh viện, gặp các biến chứng trên người bệnh, tham gia chăm sóc người bệnh có biến chứng và cơ sở học tập được tìm thấy có mối liên quan có ý nghĩa đến kiến thức về biến chứng đường truyền tĩnh mạch ngoại vi. **Kết luận:** Kiến thức của các sinh viên về biến chứng truyền tĩnh mạch cần được chú trọng trong quá trình đào tạo điều dưỡng.

**Từ khóa:** Kiến thức, Biến chứng truyền tĩnh mạch ngoại vi, sinh viên điều dưỡng

## Factors associated with knowledge on complications toward peripheral intravenous infusion among nursing students at Hanoi Medical University 2023

Truong Quang Trung<sup>1, 2</sup>, Nguyen Duy Thuan<sup>1</sup>,  
Nguyen Huu Du<sup>2</sup>, Le Thi Thao Nguyen<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Hanoi Medical University; <sup>2</sup>Hanoi Medical University Hospital;

<sup>3</sup>Hanoi Medical University Thanh Hoa Branch

### ABSTRACT

**Objective:** To describe the knowledge of nursing students about complications toward peripheral intravenous infusion, and to analyse several factors associated with the knowledge of those students. **Method:** A cross – sectional descriptive study was conducted on 374 second to fourth year nursing students at Hanoi Medical University. **Results:** The knowledge of nursing students about complications related to peripheral intravenous infusion was found at moderate level (47.4%) . Factors show significantly correlated to level of the knowledge included type of class, year of enrolment, participation clinical internships, experienced with Infusion complications on patients, caring for patients with complications, and HMU campus. **Conclusion:** The knowledge of nursing students about complications of intravenous infusion should be focused in nursing educational program.

**Keywords:** Knowledge, Complication on peripheral intravenous infusion, nursing student

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Hàng năm có hơn 1 tỷ kim luân tĩnh mạch ngoại vi (peripheral venous catheter - PVC) được đặt cho người bệnh nằm viện trên toàn thế giới<sup>1</sup>. Ước tính sẽ có hơn một nửa số người bệnh (59% - 70%) cần đến đường truyền tĩnh mạch ngoại vi trong suốt quá trình nằm viện<sup>2</sup>. Mặc dù đây là thủ thuật xâm lấn phổ biến, tỷ lệ thất bại được báo cáo lên tới 35% - 50%, dẫn đến các biến chứng như máu tụ / vết bầm, thâm nhiễm, thoát mạch, tắc đường truyền, viêm tĩnh mạch, quá tải tuần hoàn, thuyên tắc tĩnh mạch, nhiễm khuẩn huyết, sốc phản vệ<sup>3,4</sup>.

Trong quá trình chăm sóc người bệnh tại bệnh viện, truyền tĩnh mạch là một trong những thủ thuật xâm lấn đầu tiên và thường xuyên thực hiện nhất của các sinh viên Điều dưỡng dưới sự giám sát của các Điều dưỡng viên. Việc đảm bảo kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn của các sinh viên Điều dưỡng là rất quan trọng trong việc thực hiện thủ thuật truyền tĩnh mạch, cũng như phòng tránh các biến chứng không tốt và tâm lý không thoải mái cho người bệnh<sup>5</sup>. Vì vậy, việc đào tạo sinh viên Điều dưỡng về năng lực thực hành truyền tĩnh mạch, cũng như nhận biết, xử trí và phòng ngừa các biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch là đặc biệt quan trọng trong việc đào tạo ra nguồn nhân lực mới chất lượng cho ngành y tế. Trong chương trình giảng dạy điều dưỡng bậc đại học, nội dung tiêm truyền được giảng lý thuyết và thực hành tại phòng thực hành tiền lâm sàng từ năm thứ 2. Sau đó sinh viên điều dưỡng tiếp tục được thực hiện qua các quy trình kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh trong các năm học tiếp theo (năm thứ 3 và 4), bao gồm cả kỹ thuật truyền dịch – đặt kim truyền tĩnh mạch. Trong suốt 3 năm cuối của chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng với các môn học/

module chuyên ngành, sinh viên không chỉ được thực hành kỹ thuật chăm sóc, gồm cả kỹ thuật truyền dịch, mà còn được yêu cầu thực hiện lập kế hoạch chăm sóc, phối hợp thực hiện kế hoạch và hoạt động chăm sóc điều dưỡng người bệnh dưới sự giám sát và hỗ trợ của giảng viên lâm sàng và điều dưỡng bệnh viện; và đánh giá kết quả của kế hoạch chăm sóc và kết quả thực hiện quy trình kỹ thuật. Với mong muốn tìm hiểu về thực trạng kiến thức của các sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y Hà Nội, nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu là:

- *Mô tả kiến thức về một số biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch ngoại vi ở sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y Hà Nội năm 2023.*

- *Phân tích một số yếu tố liên quan đến kiến thức về biến chứng truyền tĩnh mạch ngoại vi của sinh viên điều dưỡng.*

## **ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**Đối tượng nghiên cứu:** là sinh viên Điều dưỡng chính quy trường Đại học Y Hà Nội thỏa mãn tiêu chuẩn chọn mẫu.

**Tiêu chuẩn lựa chọn:** Sinh viên đang học từ năm 2 đến năm 4 tại các cơ sở của trường Đại học Y Hà Nội năm học 2022 – 2023 (Cơ sở Tôn Thất Tùng và Phân hiệu Thanh Hóa)

- Sinh viên đã hoàn thành module “Đại cương chăm sóc Điều dưỡng” (gồm cả nội dung lý thuyết, thực hành tiền lâm sàng và thực tập tại bệnh viện).

**Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên vắng mặt trong thời gian nghiên cứu. Sinh viên bị bệnh hoặc có vấn đề sức khỏe không đủ khả năng tham gia nghiên cứu.

**Thời gian và địa điểm nghiên cứu:** Trường Đại học Y Hà Nội (cơ sở Tôn Thất Tùng và Phân hiệu Thanh Hóa), từ tháng

12/2022 đến tháng 5/2023 trong đó thời gian thu thập số liệu từ 5/1/2023 – 15/2/2023.

**Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

**Cỡ mẫu và cách chọn mẫu:** Phương pháp chọn mẫu toàn bộ được áp dụng trên 2 nhóm sinh viên Điều dưỡng (chương trình Điều dưỡng dựa theo năng lực được đào tạo bằng tiếng Việt và chương trình tiên tiến Điều dưỡng (Advance Program in Nursing) được đào tạo bằng tiếng Anh). Tổng số 492 sinh viên phù hợp tiêu chuẩn chọn mẫu được mời tham gia nghiên cứu. Nghiên cứu triển khai tập huấn đến lớp trưởng các lớp điều dưỡng tại trường Đại học Y Hà Nội. Các đối tượng nghiên cứu được thông báo mục đích nghiên cứu, giải thích rõ thắc mắc và có quyền từ chối không tham gia trả lời. Bộ câu hỏi được thiết kế dưới dạng online google form, mỗi người được điền online 1 lần. Sau thời gian thu thập số liệu có 374 bộ câu hỏi được hoàn thiện, với tỷ lệ phản hồi là 76,16%.

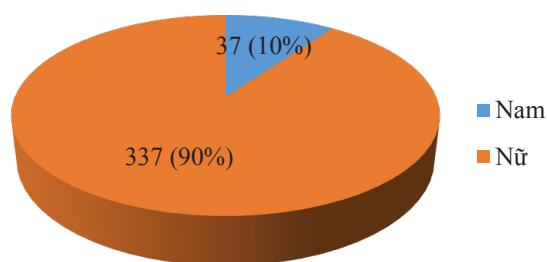
**Công cụ thu thập số liệu:** là bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên nghiên cứu của Ahlin<sup>5</sup> và Cúc<sup>6</sup> và hướng dẫn của Quyết định 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 về Quyết định phê duyệt các hướng dẫn Kiểm soát nhiễm khuẩn của bộ Y tế, được đóng góp 2 điều dưỡng lâm sàng có trình độ đào tạo sau đại học, có kinh nghiệm và được đào tạo Giảng viên lâm sàng về tình mạch trị liệu của Bộ Y tế bao gồm 44 câu hỏi (có 18 câu hỏi nhiều lựa chọn, 18 câu hỏi dạng MCQ 1 lựa chọn đúng nhất và 8 câu hỏi đúng – sai) với 42 câu tính điểm. Chỉ số cronback alpha với 42 câu hỏi là 0,73 đảm bảo tính tin cậy. Câu trả lời đúng được 1 điểm, câu trả lời sai hoặc không trả lời được 0 điểm, điểm tổng các câu trả lời trong khoảng 0 – 42 điểm, với điểm càng cao là kiến thức về biến chứng truyền tĩnh mạch càng tốt. Mức

đánh giá đạt là trả lời đúng từ 50% câu hỏi trở lên áp dụng cho đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo thông tư 08/2021/TT-BGDĐT.

**Phân tích và xử lý số liệu:** Số liệu sau khi được thu thập sẽ được kiểm tra, làm sạch và sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để phân tích số liệu. Một số thuật toán mô tả (trung bình, độ lệch chuẩn (SD), tỷ lệ phần trăm...) và thống kê phân tích phân tích (Student T test, ANOVA) được sử dụng. Mức ý nghĩa thống kê với  $p < 0,01$ .

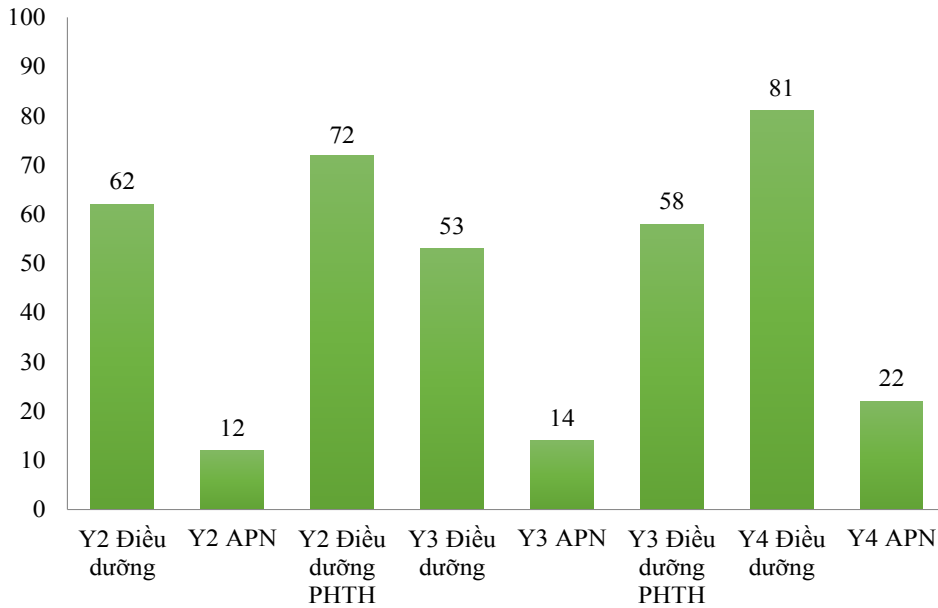
**Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu tuân thủ các quy định trong nghiên cứu y sinh. Nghiên cứu được Hội đồng đánh giá Khóa luận tốt nghiệp Sinh viên Điều dưỡng và Ban Giám hiệu trường Đại học Y Hà Nội cho phép tiến hành nghiên cứu (QĐ số 1549/QĐ-ĐHYHN ngày 26/5/2023). Đối tượng tham gia nghiên cứu hoàn toàn tự nguyện sau khi được cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích và cách tiến hành nghiên cứu. Các thông tin thu thập được chỉ thực hiện cho mục đích nghiên cứu và không sử dụng cho mục đích khác. Các thông tin cá nhân của đối tượng tham gia nghiên cứu được giữ bí mật hoàn toàn. Kết quả nghiên cứu chỉ được sử dụng trong báo cáo.

## KẾT QUẢ



**Biểu đồ 1. Tỷ lệ giới tính của các đối tượng tham gia**

Đa số đối tượng tham gia nghiên cứu là nữ chiếm 90%.



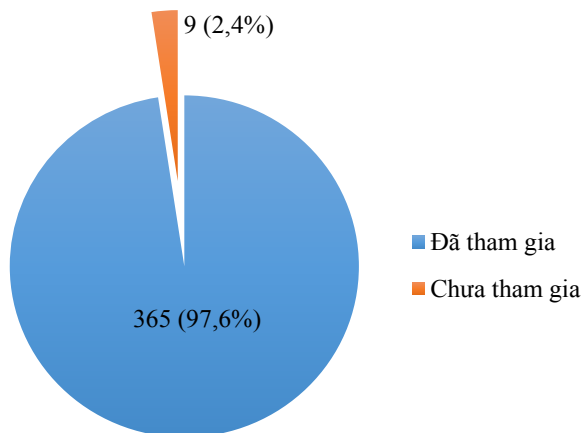
**Biểu đồ 2. Phân bố đối tượng tham gia nghiên cứu**

*APN: advance program in Nursing- Chương trình Điều dưỡng tiên tiến*

*PHTH: học tập tại Đại học Y Hà Nội cơ sở Phân hiệu Thanh Hóa*

*Điều dưỡng: học tập tại Đại học Y Hà Nội cơ sở Tôn Thất Tùng*

Lớp có tỉ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu nhiều nhất là Y2 Điều dưỡng PHTH 72/72 sinh viên (100%), thấp nhất là Y3 Điều dưỡng 53/88 sinh viên (60,2%).



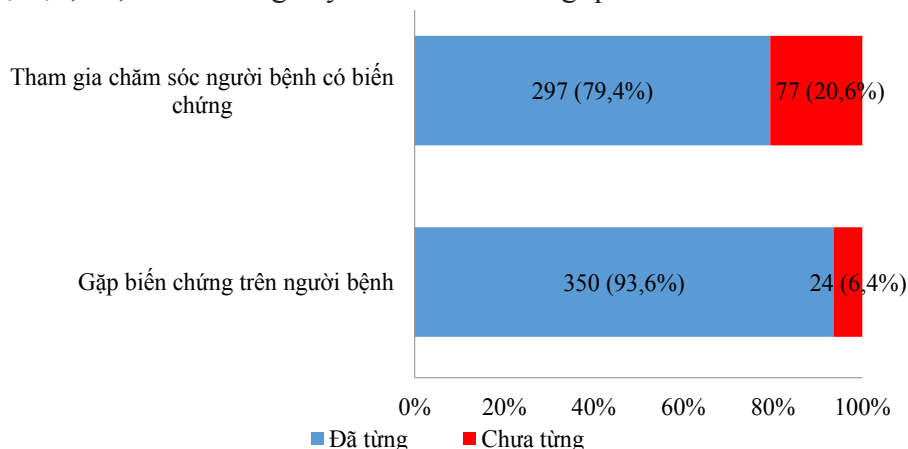
**Biểu đồ 3. Tỉ lệ tham gia thực tập tại bệnh viện của các đối tượng nghiên cứu**

Chỉ có 9 (2,4%) chưa được thực tập tại bệnh viện.

**Bảng 1. Tìm hiểu tài liệu và thái độ về biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch**

Đặc điểm		n	%
Tìm hiểu tài liệu	Thường xuyên	47	12,6
	Thỉnh thoảng	317	84,7
	Chưa bao giờ	10	2,7
Thái độ	Rất đáng quan tâm	194	51,9
	Đáng quan tâm	168	44,9
	Bình thường	12	3,2
	Nhỏ	0	0
	Không đáng quan tâm	0	0

Chỉ có 12,6% người tham gia thường xuyên tìm hiểu biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch trị liệu, 51,9% cho rằng đây là vấn đề rất đáng quan tâm.



**Biểu đồ 4. Phản hồi về biến chứng của các đối tượng nghiên cứu**

Đa số các đối tượng nghiên cứu đều đã từng gặp các biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch trên người bệnh (n = 350; 93,6%) và tham gia chăm sóc người bệnh có biến chứng (n = 297; 79,4%).

**Bảng 2. Kiến thức về biến chứng truyền tĩnh mạch và cách phòng tránh**

Kiến thức		n	%	Tổng ; %
Trung bình: 21,64 ± 5,97, Cao nhất 39 điểm, thấp nhất 7 điểm				
Xếp loại Đạt	Tốt (32 – 42)	35	9,4	177 ; 47,3
	Khá (22 – 31)	142	38	
Xếp loại Chưa đạt	Yếu (12 – 21)	190	50,8	197 ; 52,6
	Kém (0 – 11)	7	1,8	

47,4%, người tham gia có kiến thức đạt với 9,4% đạt điểm tốt và 38% đạt điểm khá. Điểm trung bình đạt 21,64 (±5,97).

**Bảng 3. Một số yếu tố liên quan ảnh hưởng đến kiến thức của sinh viên**

Một số yếu tố liên quan		Mean ± SD	F/t	p
Lớp	Y2 Điều dưỡng	17,44 ± 3,92	F = 26,778	< 0,001
	Y2 APN	17,92 ± 4,66		
	Y2 Điều dưỡng PHTH	18,57 ± 3,684		
	Y3 Điều dưỡng	26,79 ± 6,973		
	Y3 APN	20,36 ± 6,946		
	Y3 Điều dưỡng PHTH	20,62 ± 3,755		
	Y4 Điều dưỡng	24,81 ± 4,693		
	Y4 APN	25,05 ± 6,658		
Khối	Y2	18,03 ± 3,88	F = 60,655	< 0,01
	Y3	23,21 ± 6,44		
	Y4	24,86 ± 5,139		
Thực tập tại bệnh viện	Đã tham gia	21,76 ± 5,955	t = 2,377	0,018
	Chưa tham gia	17 ± 4,848		
Gặp các biến chứng truyền tĩnh mạch trên người bệnh	Đã từng	21,91 ± 5,995	t = 4,572	< 0,01
	Chưa từng	17,83 ± 4,072		
Tham gia chăm sóc người bệnh có biến chứng truyền tĩnh mạch	Đã từng	22,68 ± 6,013	t = 9,179	< 0,01
	Chưa từng	17,65 ± 3,709		
Giới	Nam	20,16 ± 4,72	t = -1,594	0,112
	Nữ	21,81 ± 6,08		
Chương trình đào tạo Điều dưỡng	Theo năng lực	21,61 ± 5,83	t = 0,312	0,765
	Tiên tiến	21,9 ± 6,9		

Chú thích: t: Independent T-Test; F: One-way ANOVA.

Có sự khác biệt về kiến thức về các biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch giữa sinh viên các lớp với nhau ( $F = 26,778$  ;  $p < 0,01$ , kiểm định post-hoc Scheffe cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê cụ thể giữa nhóm sinh viên Điều dưỡng năm thứ 3 tại Hà Nội; sinh viên điều dưỡng năm thứ 4 tại Hà Nội và năm thứ 4 APN so với sinh viên điều dưỡng năm thứ 2 (tại Hà Nội, phân hiệu và APN), và năm thứ 3 (APN và Phân hiệu). Kiến thức của các sinh viên tăng dần từ Y2 đến Y4 ( $F = 60,655$  ;  $p < 0,01$ , kiểm định post-hoc Scheffe cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê cụ thể giữa nhóm sinh viên điều dưỡng năm thứ 2 so với sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 và năm thứ 4)). Các sinh viên đã tham gia thực tập tại bệnh viện có kiến thức tốt hơn các sinh viên chưa tham gia ( $t = -2,377$  ;  $p = 0,0180$ ). Các sinh viên đã từng gặp các biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch trên người bệnh có kiến thức tốt hơn các sinh viên chưa từng gặp ( $t = -4,572$  ;  $p < 0,01$ ). Các sinh viên đã từng tham gia chăm sóc người bệnh có biến chứng truyền tĩnh mạch có kiến thức tốt hơn các sinh viên chưa từng tham gia chăm sóc ( $t = -9,179$  ;  $p < 0,01$ ). Các yếu tố khác (giới và chương trình đào tạo) không có sự khác biệt về kiến thức giữa các nhóm đối tượng nghiên cứu.

## BÀN LUẬN

**Kiến thức của sinh viên về biến chứng đường truyền tĩnh mạch ngoại vi:** 93,9% sinh viên điều dưỡng trong nghiên cứu của chúng tôi chọn sử dụng các chế phẩm từ cồn để vệ sinh da trước khi đặt PVC. Kết quả này tương tự với nghiên cứu mô tả cắt ngang của Nalan Karaoglan trên 225 Điều dưỡng tại một bệnh viện Nhi ở Izmir, Thổ Nhĩ Kỳ (2019) với 93,8% điều dưỡng đã sử dụng cồn 70% để sát khuẩn vị trí đặt đường truyền tĩnh mạch ngoại vi<sup>7</sup>, Lý giải cho kết quả này có thể liên quan đến tính phổ biến

của việc sử dụng cồn trong sát khuẩn da cũng như được chương trình giảng dạy tiêm truyền ở năm thứ 2 giới thiệu.

53,7% sinh viên trong nghiên cứu này cho rằng catheter có kích thước lớn và được làm từ kim loại gây tăng nguy cơ gây viêm tĩnh mạch. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của Saba Bibi (2022) tại trường Đại học Điều dưỡng Lahore, Malaysia, chỉ có 23,1% sinh viên cho rằng catheter kích thước lớn gây tăng nguy cơ gây viêm tĩnh mạch<sup>8</sup>. Lý giải cho sự khác biệt này có thể liên quan đến nội dung biến chứng thâm nhiễm và thoát mạch đã được trình bày khá cụ thể trong nội dung đào tạo tiêm truyền của trường Đại học Y Hà Nội đã được cập nhật với chương trình đào tạo Tĩnh mạch trị liệu của Bộ Y tế Việt Nam từ năm 2017.

Nghiên cứu chỉ ra rằng 98,1% sinh viên Điều dưỡng cho rằng kỹ thuật lấy vein đúng sẽ làm giảm nguy cơ gây ra các biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch, cao hơn so với 97,3% các Điều dưỡng trong nghiên cứu của Lê Thị Cúc (2021); 92% sinh viên Điều dưỡng cho rằng việc ghi chép và đánh giá PVC thường xuyên sẽ làm giảm nguy cơ xảy ra các biến chứng, thấp hơn so với 96,8% các Điều dưỡng; 79,1% các sinh viên cho rằng việc băng cố định đường truyền có khả năng ảnh hưởng đến nguy cơ xảy ra các biến chứng thấp hơn so với 82,2% các Điều dưỡng và 87,4% sinh viên cho rằng đường truyền tĩnh mạch ngoại vi không nên để quá 72 giờ cao hơn so với 81,6% các Điều dưỡng. Điều này cho thấy kiến thức của các sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y Hà Nội cũng không thua thiệt so với các Điều dưỡng tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội trong nghiên cứu của Lê Thị Cúc (2021)<sup>6</sup> về các yếu tố trên.

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Huyền Trang (2021) 85,6% các sinh viên Đại học

Điều dưỡng Nam Định biết cách xử trí ban đầu phản vệ là dừng ngay đường tiếp xúc với dị nguyên cao hơn so với 72,7% trong nghiên cứu của chúng tôi. Điều này có thể do nguyên cứu của Nguyễn Thị Huyền Trang (2021) <sup>9</sup> thực hiện hoàn toàn trên sinh viên năm cuối đã được trang bị kiến thức đầy đủ, còn nghiên cứu của chúng tôi thực hiện trên sinh viên từ năm hai đến năm bốn, có cả các đối tượng chưa được tham gia thực tập lâm sàng tại bệnh viện.

**Yếu tố liên quan đến kiến thức của sinh viên về các biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch ngoại vi:** Nghiên cứu cho thấy không có mối liên quan nào giữa giới tính với kiến thức của sinh viên về biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch ( $p > 0,05$ ). Nghiên cứu chỉ ra có sự khác biệt về kiến thức của các sinh viên giữa các lớp với nhau ( $p < 0,01$ ), trong đó các sinh viên của lớp Y3 Điều dưỡng có điểm trung bình cao nhất là 26,79 (SD = 6,973), cũng ở mức khá còn có lớp Y4 APN với điểm trung bình là 25,05 (SD = 6,658) và lớp Y4 Điều dưỡng có điểm trung bình là 24,81 (SD = 4,693), các lớp còn lại đều đạt điểm trung bình, thấp nhất là lớp Y2 Điều dưỡng với điểm trung bình là 17,44 (SD = 3,92). Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra có liên quan giữa kiến thức của các sinh viên với khối các sinh viên đang học, với số điểm trung bình tăng dần theo các năm từ Y2 đến Y4 ( $p < 0,01$ ). Điều này có thể giải thích rằng qua càng nhiều các tiết học trên lớp, kiến thức các sinh viên nhận được sẽ càng đầy đủ hơn.

Cũng như lượng kiến thức được cung cấp ở từng tiết học trên lớp, kiến thức tại các buổi lâm sàng ở bệnh viện là yếu tố liên quan trực tiếp đến kiến thức của các sinh viên. Nghiên cứu cho thấy mối liên quan giữa kiến thức của các sinh viên với việc đã tham gia thực tập tại bệnh viện ( $p = 0,018$ ),

cụ thể các sinh viên đã tham gia thực tập tại bệnh viện có điểm trung bình là 21,76 (SD = 5,955) cao hơn so với các sinh viên chưa tham gia thực tập tại bệnh viện có điểm trung bình là 17 (SD = 4,848).

Mối liên hệ giữa kiến thức của sinh viên và việc sinh viên đã gặp các biến chứng trên người bệnh cũng được tìm ra trong nghiên cứu ( $p < 0,01$ ), các sinh viên chưa từng gặp biến chứng trên người bệnh có điểm trung bình là 17,83 (SD = 4,072) thấp hơn các sinh viên đã từng gặp biến chứng trên người bệnh với điểm trung bình là 21,91 (SD = 5,995). Một mối liên hệ khác giữa kiến thức của các sinh viên và việc sinh viên đã tham gia vào việc chăm sóc người bệnh có biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch cũng được nghiên cứu chỉ ra ( $p < 0,01$ ), các sinh viên đã tham gia chăm sóc người bệnh có điểm trung bình là 22,68 (SD = 6,013) cao hơn các sinh viên chưa tham gia chăm sóc người bệnh với điểm trung bình là 17,65 (SD = 3,709). Điều này có thể giải thích là do khi các sinh viên nhận biết các vấn đề bất thường trên người bệnh, cụ thể là các biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch, các sinh viên sẽ có nhu cầu tìm hiểu, học hỏi nhiều hơn về cách nhận biết, xử trí, phòng ngừa và các yếu tố nguy cơ gây ra chúng.

Ngoài các yếu tố trên ra, môi trường học tập, thực tập lâm sàng cũng góp phần vào chất lượng kiến thức của các sinh viên. Nghiên cứu chỉ ra rằng có sự khác biệt về kiến thức của sinh viên Điều dưỡng đang theo học tại cơ sở Hà Nội và phân hiệu Thanh Hóa, cụ thể điểm trung bình của các sinh viên Y2 và Y3 theo học tại Hà Nội cao hơn so với tại Thanh Hóa ( $p = 0,009$ ).

Mặc dù nghiên cứu được thực hiện trên số lượng sinh viên điều dưỡng khá lớn (> 300 sinh viên), sử dụng phương pháp thu thập số liệu trực tuyến với sự hỗ trợ của

trường và các lớp trưởng của các lớp Điều dưỡng. Bộ công cụ nghiên cứu được sử dụng có đối chiếu với Quyết định 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 về các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn. Một số hạn chế của nghiên cứu có thể liệt kê thiết kế mô tả cắt ngang chưa xác định được nguyên nhân – kết quả của nhóm yếu tố liên quan đến kiến thức biến chứng truyền tĩnh mạch. Ngoài ra, phương pháp thu thập số liệu trực tuyến có thể là hạn chế vì sinh viên có thể trả lời qua loa, có lẽ cho xong. Tỷ lệ phản hồi chỉ đạt 76,16%, có thể cải thiện bằng phát vấn trực tiếp và sự hợp tác tốt có thể tăng tỷ lệ phản hồi. Nghiên cứu chỉ đánh giá được kiến thức lý thuyết, chưa đánh giá được khả năng thực hành của sinh viên.

## KẾT LUẬN

Kiến thức của các sinh viên Điều dưỡng về biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch ở mức chưa cao, 50,8% sinh viên đạt kết quả yếu và 1,8% sinh viên đạt điểm kém. 38% đạt điểm khá, 9,4% đạt điểm tốt. Các yếu tố liên quan đến kiến thức của sinh viên tham gia nghiên cứu là lớp, khối, việc tham gia thực tập tại bệnh viện, việc gặp các biến chứng trên người bệnh, việc tham gia chăm sóc người bệnh có biến chứng và cơ sở học tập.

Khuyến nghị với đào tạo cần nhấn mạnh và làm nổi bật nội dung biến chứng truyền tĩnh mạch, cũng như lồng ghép vào quá trình thực hành lâm sàng. Đối với các sinh viên cần thiết tìm hiểu nhiều hơn tài liệu về biến chứng liên quan đến truyền tĩnh mạch, các dấu hiệu nhận biết, cách xử trí, phòng tránh, các yếu tố nguy cơ của chúng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dougherty L. Obtaining peripheral venous access. *Intravenous Therapy in Nursing Practice*. 2008.

2. Gabriel J, và cộng sự. Vascular access: indications and implications for patient care. *Nurs Stand*, 2005 Mar;19(26):45-52. doi: 10.7748/ns2005.03.19.26.45.c3820.

3. Helm RE và cộng sự. Accepted but unacceptable: peripheral IV catheter failure. *J Infus Nurs*, 2015 May-Jun;38(3):189-203. doi: 10.1097/NAN.000000000000100.

4. Bộ Y tế và JICA. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới (Tập 2). 2019.

5. Ahlin C và cộng sự. Assessing nursing students' knowledge and skills in performing venepuncture and inserting peripheral venous catheters. *Nurse Educ Pract*. 2017, Mar;23:8-14. doi: 10.1016/j.nepr.2017.01.003.

6. Lê Thị Cúc và cộng sự (2021). Đánh giá nhận thức của điều dưỡng các khoa lâm sàng về yếu tố nguy cơ viêm tĩnh mạch do catheter tĩnh mạch ngoại biên.

7. Karaoglan N và cộng sự. Nurses' knowledge and experiences of peripheral intravenous catheter insertion at a tertiary paediatric health centre. *Br J Nurs Mark Allen Publ*. 2022 Jul 21;31(14):S18-S25. doi: 10.12968/bjon.2022.31.14.S18.

8. Saba Bibi và cộng sự. Knowledge regarding perception of risk factors for phlebitis among nursing students. *Pakistan Journal of Health Sciences*, 2023: Volume 04 Issue 04 (April Issue). DOI: <https://doi.org/10.54393/pjhs.v4i04.704>.

9. Nguyễn Thị Huyền Trang và cộng sự, Thực trạng kiến thức về phòng và xử trí phản vệ của sinh viên Đại học Điều dưỡng chính quy năm thứ 4 Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. *Tạp Chí Khoa Học Điều Dưỡng*. Tập 4 Số 3 (2021).